

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 06/5/2020.

V/v “Ly hôn giữa bà P với ông C”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Hồng

Bà Dương Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiền Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm: 1971. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 1, phường K, thành phố BT, tỉnh BT.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn C**, sinh năm: 1972. (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã P, thành phố BT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày:

Bà và ông C tự nguyện sống chung vào năm 1994, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh BT vào ngày 22 tháng 6 năm 1996. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nhưng càng về sau thì vợ chồng càng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, về nhà đánh đập, hành hung bà. Dù bà đã nhiều lần tha thứ để cải thiện hạnh phúc vợ chồng nhưng ông

C vẫn không thay đổi. Bà và ông C đã ly thân khoảng 04 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông C không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: có 03 con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 21/9/1994 (đã trưởng thành); Trần Thị Thu Th, sinh ngày 28/7/2004 và Trần Minh Tr, sinh ngày 29/11/2005. Sau khi ly hôn bà P xin nuôi 02 con chung là cháu Trần Thị Thu Th và cháu Trần Minh Tr. Bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà P về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông C thường xuyên đi làm về trễ, uống rượu, lớn tiếng và đánh bà P. Ông C và bà P đã ly thân cách nay khoảng 04 năm. Nay bà P xin ly hôn ông không đồng ý vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: có 03 con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 21/9/1994 (đã trưởng thành); Trần Thị Thu Th sinh ngày 28/7/2004 và Trần Minh Tr, sinh ngày 29/11/2005. Ông C yêu cầu được nuôi cháu Trần Minh Tr, bà P nuôi cháu Trần Thị Thu Th. Ông không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi cháu Tr, ông cũng không cấp dưỡng nuôi cháu Th.

Về tài sản chung: ông và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị P về việc xin ly hôn với ông Trần Văn C; giao 02 con chung là cháu Trần Thị Thu Th sinh ngày 28/7/2004 và Trần Minh Tr sinh ngày 29/11/2005 cho bà P nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: bà P và ông C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: bà P và ông C cùng khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị P khởi kiện bị đơn ông Trần Văn C. Hiện nay, ông C đang cư trú tại, ấp B, xã P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà P và ông C tự nguyện kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã P, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22 tháng 6 năm 1996 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà P, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nhưng càng về sau thì vợ chồng càng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, về nhà đánh đập, hành hung bà. Dù bà đã nhiều lần tha thứ để cải thiện hạnh phúc vợ chồng nhưng ông C vẫn không thay đổi. Bà và ông C đã ly thân khoảng 04 năm nay. Ông C thừa nhận khoảng năm 2017 cuộc sống vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông C thường xuyên đi làm về trễ, uống rượu, lớn tiếng và có đánh bà P. Ông C và bà P đã ly thân khoảng 04 năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cũng như thời gian vợ chồng ông bà sống ly thân với nhau đã lâu nhưng hai bên không tìm biện pháp hàn gắn. Ông C không đồng ý ly hôn với bà P nhưng cũng không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[3] Về con chung: trong quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 21/9/1994; Trần Thị Thu Th, sinh ngày 28/7/2004 và Trần Minh Trung sinh ngày 29/11/2005. Bà P yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Trần Thị Thu Thủy và cháu Trần Minh Trung. Ông C yêu cầu được nuôi cháu Trần Minh Tr, bà P nuôi cháu Trần Thị Thu Th. Xét thấy, trong thời gian bà P và ông C ly thân, 02 con chung do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống, sinh hoạt, học tập ổn định. Tại biên bản lấy kiến của Tòa án, hai cháu Trần Thị Thu Th và cháu Trần Minh Tr cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao 02 cháu Trần Thị Thu Th sinh ngày 28/7/2004 và Trần Minh Tr sinh ngày 29/11/2005 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Trần Thị Mỹ D sinh ngày 21/9/1994 – đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: bà P và ông C tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà P và ông C cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà P phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị P; cụ thể tuyên: Bà **Huỳnh Thị P** được ly hôn với ông **Trần Văn C**.

2. *Về con chung*: Bà P được tiếp tục nuôi hai cháu Trần Thị Thu Th, sinh ngày 28/7/2004 và Trần Minh Tr, sinh ngày 29/11/2005

Ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu Trần Thị Mỹ D sinh ngày 21/9/1994 hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết

3. *Về tài sản chung*: bà P và ông C tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. *Về nợ chung*: bà P và ông C cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0008500 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã P, TPBT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Ngọc Hồng

Dương Thị Thanh Thúy

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã Bình Phú TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Phong